TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN PHONG** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05/7/2019

V/v *" Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Minh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Tiến.
2. Ông Nguyễn Thế Long.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện VKSND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:

Bà Lưu Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/7/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:66/2019/TLST - HNGĐ, ngày 07/5/2019 về việc " Tranh chấp về hôn nhân và gia đình " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2019 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Mẫn Thị S, sinh năm 1992; HKTT: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; Hiện đang cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Mẫn Thị S trình bầy thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Chị Mẫn Thị S và anh Nguyễn Đức T đăng ký kết hôn ngày 05/11/2009 tại UBND xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn chị S và anh T có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Sau khi kết hôn chị S về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh T ở thôn Đại Chu, xã Long Châu, huyện Yên Phong. Theo chị S mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trong khoảng thời gian 02 năm đầu vợ chồng kết hôn và nguyên nhân là do anh T vẫn liên lạc với người yêu cũ nhưng vì con cái còn nhỏ nên chị cũng bỏ qua. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, hay rượu chè về nhà chửi bới vợ con. Mâu thuẫn trầm trọng là vào cuối năm 2018 do cuộc sống vợ chồng quá căng thẳng nên khoảng đầu

tháng 4/2019 chị bỏ ra ngoài thuê trọ sau đó về nhà đẻ ở thôn T, xã T ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nha nữa. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Chị S và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức S, sinh ngày 02/02/2010 và cháu Nguyễn Ánh Ng, sinh ngày 15/01/2012. Khi ly hôn chị S xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cả 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức T công nhận phần trình bầy của chị S về quan hệ vợ chồng và con chung là đúng. Theo anh T mâu thuẫn vợ chồng là có thật nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống và nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, dẫn xẩy ra xích mích cãi nhau, anh nhiều lúc hay có câu chửi thề. Khoảng đầu tháng 4/2019 chị S bỏ về nhà đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị S làm đơn xin ly hôn với anh gửi Tòa án anh không đồng ý ly hôn với chị S vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn và anh không muốn con cái mỗi đứa một nơi khi bố mẹ ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức S, sinh ngày 02/02/2010 và cháu Nguyễn Ánh Ng, sinh ngày 15/01/2012. Nếu phải ly hôn anh xin được nuôi dưỡng và chăm sóc 01 con chung và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên toà: Chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Khi ly hôn chị xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức T vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý lý hôn với chị S.

Về con chung: Nếu phải ly hôn anh xin được nuôi dưỡng và chăm sóc 01 con chung.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu.

Đại diện VKSND huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình bác toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Mẫn Thị S vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng.

Về con chung, tài sản chung, công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Mẫn Thị S và anh Nguyễn Đức T đăng ký kết hôn ngày 05/11/2009 tại UBND xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn chị S và anh T có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mẫn Thị S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T là có thật và nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau. Từ những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày nhưng không được các bên giải quyết triệt để dẫn đến quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, hiện vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T vì vợ chồng không còn tình cảm. Anh T không đồng ý ly hôn với chị S nhưng cũng không đưa ra được giải pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng, hiện vợ chồng vẫn sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ theo điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mẫn Thị S với anh Nguyễn Đức T.

[3] Về con chung: Chị S và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức S, sinh ngày 02/02/2010 và cháu Nguyễn Ánh Ng, sinh ngày 15/01/2012. Khi ly hôn chị S xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cả 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn quan điểm của anh T nếu vợ chồng phải ly hôn anh xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cả 01 con chung và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét điều kiện thực tế của chị S và anh T cũng như để đảm bảo mọi quyền và lợi ích hợp pháp cho các con tại thời điểm hiện tại cần giao con chung là cháu Nguyễn Ánh Ng, sinh ngày 15/01/2012 cho chị S nuôi dưỡng và chăm sóc, giao con chung là cháu Nguyễn Đức S, sinh ngày 02/02/2010 cho anh T nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét do chị S, anh T không yêu cầu.

Anh T, chị S được quyền thăm nom con chung song không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của nhau và các con. Không ai được cản trở quyền này của anh T, chị S.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị S, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết do vậy không đặt ra xem xét.

Chị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 147, 239, 243, 248, 260, 264, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mẫn Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mẫn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ánh Ng, sinh ngày 15/01/2012 cho chị Mẫn Thị S nuôi dưỡng và chăm sóc; Giao con chung là cháu Nguyễn Đức S, sinh ngày 02/02/2010 cho anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét do chị S, anh T không yêu cầu.

Anh T, chị S được quyền thăm nom con chung song không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của nhau và các con. Không ai được cản trở quyền này của anh T, chị S.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mẫn Thị S phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Mẫn Thị S đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000525 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng khác.
- THA huyện Yên Phong.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Chu Minh Nam